

Cát bụi chân ai

Tô Hoài

một

Tôi kém Nguyễn Tuân mười tuổi. Trước kia, tôi không quen Nguyễn Tuân.

Quãng đầu thập kỷ bốn mươi, báo *Hà Nội Tân văn*, báo *Chủ Nhật mới* in của tôi mấy truyện ngắn: *Nước lên*, *Mê gái (Con gà ri)*, *Bãi ô-tô*, *Một đêm sáng giăng sông*. Hình như Nguyên Hồng đã chỉ cho tôi biết Nguyễn Tuân đang lững thững bên kia hè đường Bờ Hồ, những tiểu thuyết *Thiếu quê hương* in từng kỳ trên tuần báo *Hà Nội Tân văn* và những truyện ngắn của Nguyễn Tuân đăng các báo *Tiểu thuyết Thứ bảy*, *Tao đàn*, *Thời vụ*, *Bạn đường* cũng có phần hơi hướng dấu vết trong chữ nghĩa bước đầu đời viết của tôi mà Vũ Ngọc Phan, ở tập *Nhà Văn Hiện Đại* đã đề tôi nên đề chừng cái giọng khinh bạc học đời ấy.

Đi bên này hồ Gươm thấy Nguyễn Tuân ngồi trong nhà hàng Hoàng Gia, cái quán rượu kiểu Pháp che cánh sáo ra kín vỉa hè. Nhà văn chơi chưa khác đời. Khăn lượt vớ, áo gấm trần, tay chống dọc chiếc quạt thước thay ba toong, chân bít tất dận giày mồm nhái Gia Định. Năm ấy, Nguyễn Tuân cũng chỉ khoảng trên ba mươi đôi chút. Ngoài đường phố chẳng ai ăn mặc kiểu cách khác thường thế, nếu không phải quan tri phủ, quan thương tá ngồi xe nhà, áo sa phủ áo gấm, áo đoạn, vừa ý tứ vừa khoe chiếc bài ngà dây kim tuyến thấp thoáng trong ngực áo. Quán *Tavec Royan* này chỉ Tây lui tới. Bên trong, nhảy đầm, dàn nhạc. Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát vươn cổ cò trên cái đại vĩ cầm cao ngang mặt người chơi, những tiếng nảy ra rên gầm gừ.

Nhưng những con người dị dạng này cũng chẳng làm khác mắt mấy cái thành phố không còn điều hui, vài năm nay đã nhón nháo bọn dựa thế Nhật, đầu trọc để trần, áo ka ki ông tay rộng vàng nhạt đi ghệt da cao, lằm lì và nhâng nháo. Chẳng đoán được Nhật thật hay Nhật mỹ kỹ. Rồi thì tôi xem Nguyễn Tuân đóng vai người đi săn ở kịch *Ngã ba* của Đoàn Phú Tứ. Tôi thấy Nguyễn Tuân thoáng mấy giây một cái bóng cầm trong phim *Cánh đồng ma* của Đàm Quang Thiện. Cũng thấy chán. Nhưng đọc bút ký *Một chuyến đi* viết về Hương Cảng thì băng khuâng nhiều.

Mấy lần ở cuộc họp tổ bí mật, nghe Như Phong báo cáo thuyết phục Nguyễn Tuân vào Văn Hóa Cứu Quốc, chưa có kết quả. Nguyễn Tuân bảo Như Phong: "Ở Hà Nội này, đũa nào Việt Minh, đũa nào torôkit, đũa nào Đại Việt, Quốc dân đảng, đũa nào bố láo cách mệnh mồm khoác lác, đũa nào ăn tiền mật thám, tứ biết cả". Nghe nói tợn tạo trắng trợn, Như Phong mượn một quyển sách ròi ra về.

Những cái biết của tôi về Nguyễn Tuân hồi ấy chỉ mang máng thế.

Đem cái "duyên" đẹp đẽ mọi bề quảng cho Nguyễn Tuân có thể chưa kín nghĩa, mà cũng không hẳn đúng. Về văn và cả về đời. Có người mê Nguyễn

Tuân như điều đồ, từng chữ. Có người chỉ lướt một đoạn đã không chịu được cái giọng khụng khiêng, khệnh khạng. Triết lý và câu văn Nguyễn Tuân không giống vị hoà sơn trong thang thuốc bắc, ghé bỏ một tý, lại vô thưởng vô phạt. Cái chơi của Nguyễn Tuân cũng thế. Với người này, không thể thiếu Nguyễn Tuân. Người kia thì không chịu đựng được. Ô hay, người ta ra người ta thì người ta phải là người ta đã chứ.

Nhớ lại năm ấy, ở gian hàng quà chợ Đồng Xuân còn cái bà nạ dòng khăn nhung áo cánh phin nỡn đeo chuỗi hạt cườm thạch phon phớt xanh - hàng bún thang ngon có tiếng. Chỉ một bát thang con bún lá, giọt cà cuống khó chịu mà lại không có không được, cũng viết lên một cái gì chứ. Nói bâng quơ, chẳng ra nhủ mình, chẳng ra cho người khác. Những cái ấy phải viết, viết chứ. Như những đêm áp tết, năm cùng tháng tận, lại lấy ra mấy cái đĩa hăng Pathé mua được ở chợ Giời, mà nghe ả Đàm Mộng Hoàn... *Gió hơi gió, phong trần ta đã chán... Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong...* Thế nào ông ấy cũng lại nói: Cái hơi của Mộng Hoàn thì sang, nhưng không đẹp bằng giọng bà Chu. - Phải viết, cái này phải viết thôi. Những năm về sau, Nguyễn Tuân vẫn làm việc cho viết, khắc khoải sự viết, mà không viết bao nhiêu. Ở đây nữa, chính bởi hơi sức và trong tâm sự. Phải đến Nguyễn Tuân viết ra thì cũng một vùng phố xá ấy mới thành tên gọi, mới thành *Phố Phái* - hai chữ của Nguyễn Tuân sáng tạo đặt tên cho tranh Bùi Xuân Phái. Và trong cuộc chơi, ông cửa hàng trưởng Bôđêga, chú nhà bàn, nhà bếp Thống Nhất hay bác Chử bán cháo gà gõ ống thổi làm phách hát ả đào giọng chèo ở ngã sáu dốc Hàng Kèn, hay khi lên chơi nhà ông Ba trên Nghĩa Đô thì dấu cho Nguyễn Tuân chưa hề quen, cũng không phải là người trùm trò, các chủ quán chủ nhà đều trân trọng như ông ấy mới là chủ cuộc. Cái duyên ấy xưa rày vẫn như một.

Những năm trước 60, cái dốc ngã sáu Hàng Kèn ban đêm thanh vắng lắm. Những cây sấu, cây sữa cũng chưa như mấy năm sau phải một trận bom Mỹ đánh sập hai ngôi nhà và mấy gốc cổ thụ. Bờ hè dưới hai hàng cây hiu hắt khơi lại cảnh xưa cũ, còn cái bờ tường đắp dòng chữ xi măng nổi *Phúc ...cha*, tên hiệu thuốc sốt rét nổi tiếng một thời. Nhớ cây Thị Hàng Kèn đầu Lê Lợi, cuối Hàng Giò nhiều hơn tên phố mới, đối với chúng tôi. Mấy hàng phở gánh và quán cóc. Nơi ăn đường ăn chợ này không chèn xô bồ như trên ngõ Sầm Công, chim quay Tiểu Lạc Viên, cà phê phin Ca, cà phê đá Lý Hảo... cũng không ví được với com tám Tân Việt, Việt Hương quanh chợ Hôm gần đấy.

Dốc Cây Thị không còn cây thị, hàng quán chỉ rải rác có buổi. Ngồi đây đầu phố Hàm Long nhìn sang, tưởng như lão Tàu Bay còn gánh phở bán buổi sớm. Cũng cạnh đấy, bên dãy nhà mà thời tạm chiếm Pháp đặt đài phát thanh Con Nhạn của quân viễn chinh, hồi Tiên khởi nghĩa, đội *as* (ám sát) của Việt Minh đã bắn chết Thiên Nga, nữ đặc vụ của Nhật trong quán cà phê. Không phải chỗ quán cà phê của ông cắt tóc ở hợp tác xã chỗ ngã sáu mới về mở, đêm B52 ấy, một vỏ tên lửa rơi gãy vỡng cái mái hiên. Những biến thiên của con người và thành phố, chấp nối lại mà chỉ có ngòi bút Nguyễn Tuân mới phát hiện cho người đọc thấy được những lảng vảng góc gác, như muôn vật trong trời đất,

khác nhau mà lại dính líu với nhau. Những ngã năm, ngã tư, ngã bảy, người đi lại sinh ra đường cái và mọi sinh hoạt, làm ăn, đắp đổi, người hút thuốc lào thì có người bán đóm, người đóng đinh để giày, ông bán hàng nước chè tươi, ông lão chữa giày dép và khách dừng chân.

Phở Tàu Bay - mà bây giờ ở Sài Gòn có vài ba quán, đôi chút phảng phất mùi vị Bắc xưa, gánh phở ấy đỗ cạnh dốc bên góc cây thị đầu sân vào sở Văn Tự - không biết tại sao người qua đường lại đặt tên công sở ấy là sở Văn Tự. Có lẽ cũng như chỉ tình cờ một câu so sánh bông đùa cái mũ da lưới trai hơi dài khác thường của ông hàng với chiếc mũ phi công mà thành tên phở Tàu Bay, một hàng phở gánh buổi sáng. Thời ấy, phở sáng, trưa, tối đều đặn cho người ăn quà phở mà không phải là dùng phở đến no. Hiếm cửa hàng phở, phở hiệu, rất phở gánh, chuyên phở nước. Phở hiệu sào ròn, sào mềm, tái lẫn, sốt vang, bát phở bên đĩa mùi, húng và cút rượu trắng. Phở gánh, món quà nhẹ. Ngủ trưa dậy, tối khuya trước khi đi ngủ. Không ai tráng miệng chén rượu lúc ăn phở bát. Thịt bò chín từng tảng, cũng chưa rạch rời mấy chỗ nạm, gầu, mỡ hay nhừ. Trong cái bát chiết yêu loe miệng thắt đáy, nước dùng bốc khói mà trong như nước mưa li ti nổi chút váng mỡ vàng, lơ thơ mấy lát hành hoa, rau mùi. Làm bát nào, thịt thái bát ấy. Đáo phở, bánh chồi lên quá, bánh chưng, ăn phải bỏ dở. Nhưng đáo ăn phở của Nguyễn Tuân.

Trong lòng và vỉa hè ngã sáu quang đặng cứ khoảng mười giờ tối trở đi mới lập lòe hàng quán. Những tối thứ bảy, từ đầu Hàng Đào xuống Tràng Thi, đến tận chợ Đuôi, mọi ngã ba ngã bảy đều kê bục, cắm cờ. Các đoàn văn công nhảy xập rập rập. Tiếng Trần Chát hát *Chiếc khăn piêu* đến đỉnh tai trong loa. Người xem chen chúc lúc ấy mới vãn. Đội quân cảnh đeo băng đỏ đã bắt đầu đi tuần đêm. Các gánh lục tào xá, cháo gà phải hai ba giờ sáng mới hết hàng. Đã quẩy về còn có người gọi theo. Bình yên, chẳng ai nhớ thành phố hãy còn thiết quân luật. Dọn hàng quà khuya đã thành lệ.

Khi có hàng quà, cái ngã bảy đã vắng vắng lại hiện ra bộ mặt khác. Chốc chốc, thông thả qua một xe đạp lênh khênh, tiếng vòng nan hoa quay gió vù vù. Cái xe « trâu » Trung Quốc nặng như cùm được vác từ Thái Nguyên về. Gánh cháo gà bác Chử đã dênh hảnh xuống mặt đường nhựa. Chiếc chậu nhôm đựng nước, cậu con trai thả chông bát vào chậu rồi nhặt ra từng cái, khăn lau miết quanh miệng chiếc bát rếch của những khách ăn mở hàng. Rồi bác Chử thừ ra. Như còn tiếc đám múa xập lúc nãy hay sao. Bác Chử cầm chiếc ống nứa thổi pho pho vào cửa lò mới được còi, mẩu củi hồng rực.

[...]

Ở cái ngã sáu đường đời ấy vẫn leo lét ngọn đèn con của lão cà phê 81, ánh đèn chai và lửa bếp thùng cháo bác Chử. Mấy cái xích lô tã chốc lại lạch xạch lượn lờ qua. Trông mặt người đạp xe cũng có thể đoán được tông tích, mỗi người đều hằn nét bộ mặt thời gian và tờ lịch hàng ngày của thành phố. Có lão râu xồm khuya về uống rượu húp cháo rồi nằm vắt người trên đệm xe, sắn xe ngủ bên góc cây. Đây là các ông chánh, ông lý tề vừa chạy Tây càn, vừa sợ Việt Minh trả thù đã bỏ các vùng trắng ven nội vào đây. Đám cơ sở hốt chết trốn vào

thành, trẻ hơn và đỡ lảm lì, có thể lại công tác bí mật, không ác ôn như mấy lão xích lô râu rậm kia. Nguyễn Tuân bảo: "Câu có đề ý đường phố bên Bắc Kinh lúc gần sáng, những xe la, xe lừa bánh gỗ cao lênh khênh, những lão đánh xe đầu hói như quả dưa hấu ngồi ngất ngưỡng trên đống củ cải, vẫn oai phong chẳng khác Tướng Giới Thạch, Uổng Tinh Vệ thất thế!".

- Lão xế lô, lão lục tào xá này nhất định cũng về tè nguy cũ. Cả lão cà phê bít tất, lão cháo gà cứ dấm dớ thế nhưng trông tay thoăn thoắt nhất tiền, xếp tiền thế kia đủ biết.

Nguyễn Tuân hỏi tôi:

- Có nhớ Két không?

- Tay Két trình sát tiêu đoàn 54?

- Cứ ngồi đây mình lại nhớ nó. Không hiểu sao.

Khói thuốc trong nõ tẩu phàm phập bốc xanh trắng um lên.

Thì ra, cái đầu đường đêm hôm chẳng thú vị chút nào, chính Nguyễn Tuân mới đang hồi tưởng. Ở mỗi cái trông thấy, nhưng từng người lại ngỡ khác nhau. Thế nào mà ở đây Nguyễn Tuân lại nhớ tới Két chiến dịch sông Thao mùa hạ 1949. Chập tối ấy, bộ đội qua sông xuống đò bên đền Đông Công gần Mậu A, rồi hành quân suốt đêm vào hậu địch để kịp chiều hôm sau đánh đồn Đại Bực. Tình cờ, gặp lại Két ở Mậu A, Nguyễn Tuân quen Két, gia nhập trình sát Trung đoàn Thủ đô. Chiến dịch ấy, trung đội trưởng Két đã hy sinh, nằm lại bờ bên kia sông Thao.

Đi và đi, thực và mộng cả đời Nguyễn Tuân. Làm thế nào đi được, chỉ cốt đi được. Năm 1937, Nguyễn Tuân ra Hương Cảng làm tài tử màn bạc. Phim truyện Việt Nam, chủ Trung Quốc thuê một số người ở Hà Nội sang đóng. Tôi đã xem *Cánh đồng ma* ở rạp Hiệp Thành phố Hàng Bạc - rạp chèo cải lương, thỉnh thoảng chiếu phim phong thần, kiểm hiệp bán vé một hào đồng hạng. Phim *Cánh đồng ma* đầu Ngô mình Sở. Nguyễn Tuân đóng một vai phụ - có thể lời một người đi ngoài đường vào sắm vai cũng được, đây là một người y tá mặc áo "lui" trắng, nâng đầu cẳng thương, lừ lừ qua ống kính chớp nhoáng một hai giây. Có thể thôi, mà Nguyễn Tuân lặn lội sang Hương Cảng trong lúc năm hết tết đến.

Cũng không phải chơi bời đua đả. Đám hồ lớn đóng phim còn lục đục lừa nhau, chửi bới nhau vì các chủ phim tranh nhau xé đám phụ mộ đóng phim này đã làm thêm phim *Trận phong ba* xong trước gửi về Hà Nội để cướp khách. Nhưng *Trận phong ba* tôi quá, không có người xem. Nguyễn Tuân ở trong đám phụ đóng một phim. Cũng không ăn cánh với ai. Bà "phô tô" Phú ho lao gày rạc dâm dăng đến quái dị, chòm trờ Đàm Quang Thiện và Nguyễn Doãn Vượng, điếm mặt cũng không phải ai tri âm tri kỷ khiến Nguyễn Tuân phải dầm đuối bồng dung lênh đênh đi. Mà cái thức giục vẫn là những cơn đói đi của mình. Không khó không dễ, không biết ai, chỉ biết một mình. Nguyễn Tuân muốn đến Hương Cảng, nặng nề và nhẹ nhàng, thế thôi. Trong đêm trừ tịch ở hòn đảo phồn hoa nhất châu Á, hứng thú và buồn với hồn cốt những trang bút *Một chuyến đi*, tâm sự ấy đã giục đã nhiều.

Một đời ao ước phương trời với một cung cách đi. Trong tiểu thuyết *Thiếu quê hương*, cả một chương mười mấy trang về vùng than với những cảng Rôđông, cửa Điền Công, những cơn gió ngoài vịnh vào đen nhuộm màu than trùm lên thành phố. Hồi ấy, Mộng Tuyết - Đông Hồ trong Hà Tiên ra chơi Hà Nội. Hôm về, Nguyễn Tuân tiễn ngoài ga Hàng Cỏ. Nguyễn Tuân có viết về cuộc tiễn biệt ấy trên báo *Bạn Đường* ở Thanh Hoá đã cười tiên sinh Đông Hồ, tàu sắp chạy, mà vẫn cùng bạn bè lắc lư ngâm vịnh thù tạc xuông tình không có chén. Còn cô Mộng Tuyết thì lại khéo tưởng tượng ra như trông thấy con người ấy hôm nào mới ở vùng gió than, bão than còn cuốn theo đến tận sân ga. Trên khuôn mặt cháy nắng của người lữ hành, hai lỗ mũi cũng xạm đen những than là than.

Cô con gái làm thơ ở Phương Thành nhìn Nguyễn mà cảm động, bởi từ xưa kia cô đã ước mơ thềm một hơi gió lạ, khát thở một bầu không khí trời, nước lênh đênh hàng tháng trên biển cả để rồi đổ bộ trên một bến bờ xa. Trải qua khắp kinh tuyến, vĩ tuyến của địa cầu, để đi tới chỗ bốn mùa tuyết đóng, băng đóng, đến vùng sa mạc gió nắng lửa than, trèo tuyết núi Hy Mã Lạp Sơn lạnh cóng và tắm nước sông Hằng, vượt biển Đại Tây dương, qua Hy Lạp, rồi trên lưng lạc đà xem Kim Tự Tháp rồi trở lại thưởng hoa anh đào trong một ngày hội ở Nhật Bản. Ngày hè thì lưu liên các vùng bãi biển Ý Đại Lợi. Thu về thì ngồi xem lá vàng rụng theo các pho tượng của Lúc Xem Bua. Bao nhiêu tiếng gọi của Cao Rộng Xa Xăm đã thúc giục ám ảnh mãi lòng thích sống một cuộc đời bấp bênh có nhiều xê dịch, biến đổi của thiếu nữ. Cô thiếu nữ mà ngày còn thơ đã có ý muốn đi tận chân trời... *Thuyền khách sông Hương đêm thất tịch. Lạnh lòng trăng nước khúc Nam ai...* mà ai cảm chung một mối tâm sự nào ruột của khách Giang Châu Tư Mã (*Tranh niếm nhớ cảnh giang hồ*, bút ký, Phương Thành một ngày thu muộn 1939 của Mộng Tuyết).

Cũng một nỗi tình mơ màng như cô Mộng Tuyết, chỉ có rày ước mai ao, Nguyễn Tuân chưa đi đường bộ quá Mông Dương và đường nước chưa ra khỏi cửa Điền Công tới Móng Cái bao giờ. Phải đến hơn hai mươi năm sau viết trang sách về vùng than, Nguyễn Tuân mới tới Hải Ninh lần đầu, cùng đi với Nguyên Hồng, Vạn Lịch và tôi. Tưởng như khó tin, mà sự thật như thế. Thiên bút ký mệnh mang sóng biển *Cửa Đại* kia, đọc kỹ thì nhận ra phải nhờ có người nhà ở Cửa Đại, tác giả mới đến được. Ngày ấy, Nguyễn Tuân đã viết một truyện ngắn đăng báo *Tiểu thuyết Thứ Bảy*, trên đề: "*Tặng ông Nguyễn Ngọc Côn, nhà máy đèn Móng Cái*". Khi này, Phạm Duy làm thợ phụ nhà máy điện, ở nhờ ông Phạm Ngọc Côn (Phạm Duy: *Hồi ký thời cách mạng, kháng chiến* - Californie, 1989). Mà ông bạn làm nhà máy đèn Móng Cái ở phố chính Clamoocgăng ấy cũng chưa lần nào gửi tiền tàu xe rủ Nguyễn Tuân ra chơi thưởng thức cái hiu hắt nơi địa cầu. Hàng chữ đề tặng chỉ là ao ước. Mà phải đến dịp nhờ xe Vạn Lịch, mới ra được bãi Trà Cỏ, xuống lái thán ngược sông Mang lên cầu Bắc Luân - Móng Cái, đến Thán Pún - sự bôn tẩu có công lệnh và giấy đi đường cần thận.

Cầu kỳ và khó tính cũng là tính riêng trong cái thích thú ham đi mà không được đi. Ở phương Đông còn có cái chơi đi mà không đi, ngồi nhà ngắm tranh

son thủy, nuôi muông thú lạ, uốn cây, gậy cái lá trúc rụng xuống thế giới bề nước nhỏ nhỏ rêu nổi hòn đá cây si trên hòn non bộ có ngôi chùa mái cong, chú tiểu vác củi qua cầu. Cho thoả cái tưởng tượng.

Nguyễn Tuân ở về người thứ nhất. Đôi khi chơi cây cảnh, một chút chấp nôi, ơ hờ, hòn dỗi, bực bội, nhớ thương không đâu gửi vào một nhánh địa lan cánh tím, một con chó đá canh cửa, một quả phật thủ, một hòn cuội suối, một chiếc gói sứ mới đây được bung ra từ một tiệm hút chợ Cũ Sài Gòn. Nguyễn Tuân thích đi, nhưng trong mọi sửa soạn còn kỹ lưỡng hơn đi. Mùa hạ năm 1949, Nguyễn Tuân và tôi theo tiểu đoàn 54 Trung đoàn Thủ đô mở chiến dịch tiêu diệt một chuỗi cứ điểm hành lang của địch, các đồn Đại Bực, Đại Phác, Khe Pịa, Ngòi Mát, Mã Yên Sơn lên đến đồn tiểu khu Phố Ràng.

Chuyến ấy, tôi đi cùng Nguyễn Tuân - được làm quen một chuyến đi.

Nguyễn Tuân sắm năm quanh cái bi đông nước bọc dạ xanh của anh. Lần đầu tiên ở mặt trận, đi lâu với Nguyễn, tôi mới thấy qua anh nhiều đức tính của người lên đường. Khoẻ, vững. Hành trang không thừa, cũng không thiếu một cái gì. Trên lưng, gọn gàng chiếc ba lô Nhật. Một sợi dây nhỏ cũng có chỗ để rồi dùng đến sợi dây. Cuối cùng, mọi thứ giấy má có thể lộ liễu của riêng mình đều phải để lại căn cứ, không được đem theo vào vùng địch. Chỉ một cuốn sổ nhỏ, cái áo mưa, bỏ vào ba lô vừa phải. Một bao cơm nắm, thêm cái thắt lưng lưng khô cuốn chéo ngang mình. Dây bi đông nước, Nguyễn Tuân đã cẩn thận buộc ghì vào thắt lưng cho khi bước đỡ xóc (Ngược sông Thao, phóng sự, Nhà xuất bản Cứu Quốc 1949).

Trong nghề đi - nghề, chứ sao, đã cẩn thận thành thói quen, cầu kỳ đến đam mê. Sửa soạn, khai thác, đến thường thức cũng chu đáo. Không phải cứ đứng đắn và khôi hài như nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát. Ở trường lục quân bên Vân Nam về, anh Khoát dạy tôi thuật đi đường giữ được dai sức của Bát lộ quân. Nhanh mười bước lại thông thả ba bước, cứ thế cả ngày chân không biết mỏi. Cẩn thận, mọi thứ trên mình và trong ba lô đều gọi thành con số. Ví như cả thầy trong người có mười lăm thứ. Sáng ra, trước khi đi đếm chỉ có mười bốn. Thế là còn thiếu một. Rõ thật buồn cười, nhưng nếu cười, anh Khoát không bằng lòng. Mọi cẩn thận của Nguyễn Tuân thiết thực hơn. Ngồi bút chì gài trên túi áo, ngồi đọc cũng ghi lên sách. "*Không biết đến thế kỷ nào có cái hơn, chứ bút chì trên giấy thì không bao giờ phai*". Một tệp bìa cứng với cái bút chì. Lắm lúc thấy ông bạn đường chịu khó đến vậy, mình vừa để ý, vừa thích, vừa ngán ngẫm cho những khó nhọc của nghề đi không biết thế nào là cùng. Lo cho việc đi là yêu đi và biết hưởng thụ đi. Mãi mê quên ngày tháng, nhưng tính đếm sửa soạn thì phải nhớ từng ly. Cái phóng khoáng của ông ấy không lẫn với buông tuồng, cầu thả.

Mà sự chuẩn bị tỷ mẩn của con người muốn "*khi ta chết đi, da ta được thuộc làm cái va li*" cũng khá khác thường. Năm 1961, Nguyễn Tuân lên Hà Giang dự khánh thành đường Bắc Quang - Hoàng Su Phì. Hoà bình thành thoi rồi, nhưng vẫn lại là về rừng, lại đeo cái ba lô Nhật với những sợi dây dù Mỹ buộc màn, không quên chiếc bi đông chiến dịch sông Thao hơn mười năm trước.

Giữa đám các thứ linh kinh, một xếp giấy bản lau chén bát, một quyển sách đang đọc và mấy thẻ hương mua thừa ở hàng quen cửa chợ Đồng Xuân. "*Khánh thành đường mới trên rừng thì nhà khách cũng là mấy cái lán cắm ven đường. Hương chống ẩm, chống muỗi đây*". Hương chống muỗi, chứ Nguyễn Tuân kị mùi tỏi và không chịu được mùi hoa ở các thứ hương Ấn-độ "*cứ thoang thoang rờn rợn như có ma lẩn quất trong nhà*".

Quả nhiên là những nơi ngả lưng đã chiến ở Hoàng Su Phì, khách nghỉ đêm ở các lán dân công, nền đất và phen vách mới được sửa sang lại đôi chút. Tối đến, mùi hương ở lán ông khách vẫn ngào ngạt ra. Vũ Mí Kê, bí thư huyện Đồng Văn hỏi nhỏ tôi:

- Nó cúng ma hả?

Làm thế nào cắt nghĩa cho ông bạn người Mông này hiểu cho cái thú chơi và chống muỗi sốt rét như thế. Mới hôm qua, Vũ Mí Kê kể năm trước lần đầu về Hà Nội. Nhiều khê quá, xe liên vận Đồng Văn xuống Hà Giang, lại chuyển ô tô khác về Phú Thọ. Ở đấy, lên tàu hoả. Đoàn tàu xuôi về đến ga Hàng Cỏ, vẫn ngồi thản nhiên ngắm ra phường phố, đường xá, nhà cửa ngoài cửa toa thấy « *mãi chưa tới Hà Nội* ». Khi tàu lên đến Bắc Giang mới hỏi ra.

Tôi bảo Vũ Mí Kê:

- Không phải bác ấy cúng ma. Bác ấy đốt hương cho ẩm như ta ngồi bếp sưởi lửa ở trên quê, lại chét được muỗi. Mùi hương thuốc thơm như thế đấy.

Có lần, Vũ Mí Kê về Hà Nội, đến chơi uống rượu nhà Nguyễn Tuân. Tôi nhắc lại chuyện hương sưởi ẩm ở Hoàng Su Phì. Vũ Mí Kê trả lời: "Bây giờ nói thế thì mình hiểu ngay". Hồi ấy, Vũ Mí Kê không tin câu cắt nghĩa của tôi. Có những việc...

Nhưng thôi, lại trở về chiến dịch sông Thao mùa hạ 1949. Nguyễn Tuân gặp lại Két - người chiến sĩ trinh sát mà Nguyễn Tuân vừa hỏi tôi có nhớ không, lúc nửa đêm giữa cái ngã sáu bên gốc cây sừa, cây xà cừ này.

Lần đầu tiên, quân chủ lực mở trận đánh phối hợp lớn, mặt trận dài suốt bên kia sông Hồng ở Yên Bái vắt sang sông Chảy, lên Lào Cai. Chúng tôi theo tiểu đoàn 54, đơn vị chủ công của Trung đoàn. Nguyễn Tuân bỗng gặp lại Két, không ngờ, khi qua sông.

Chập tối, tập kết ở Mậu A. Các chiến sĩ quần áo bà ba đen như chúng tôi. Bộ đội được phát như thế nào thì mặc nấy, áo nâu, áo đen, có khi nhuộm lá coi, nhuộm pin xanh sẫm, thâm xịt. Đã xế chiều, người ngồi đen ngòm sân đèn Đông Cuông. Trung đội trưởng Két trong đám chiến sĩ, và người hầu bàn đã trông thấy "cái ông nhà văn hay uống *uýt kị, quăng trô xếch* ở Thủy Tạ lúc chập tối sao ông ấy lại lên tận đây thế này. Mà đội mũ vải ka ki xám, mặt lạnh lạnh như phái viên cấp trên xuống". Két đến trước mặt Nguyễn Tuân:

- Ông...

Nguyễn Tuân giơ cái gậy tre, nắm tay Két.

- Anh Két! Đồng chí Két! Tôi cũng sang sông đêm nay. Đồng chí ở 54 à?

- Vâng ạ.

Chỉ một thoáng, mọi người hồi hã về sửa soạn. Suốt chặng đường vào trong kia, Nguyễn Tuân mong gặp lại Két. Như còn bao nhiêu chuyện mấy năm nay chưa nói hết.

[...]